TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1 – LÀO CAI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 78/2026/QĐST-HNGĐ	*Lào Cai, ngày 23 tháng 4 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 79/2026/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 3 năm 2026, giữa:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị V, sinh ngày 28/8/1994.

Căn cước công dân số 015194002485, do Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội – Bộ C cấp ngày 22/8/2022.

- Bị đơn: Anh Triệu Đức Đ, sinh ngày 17/12/1993.

Căn cước công dân số 015093002329, do Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội – Bộ C cấp ngày 22/8/2022.

Cùng địa chỉ: Tổ dân phố N, phường Â, tỉnh Lào Cai.

Căn cứ vào khoản 3 Điều 147, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 357; khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55; 81; 82; 83; 110; 116; 117 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Căn cứ điểm a khoản 5; điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 15 tháng 4 năm 2026.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 15 tháng 4 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Trần Thị V và anh Triệu Đức Đ.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về nuôi con: Giao cho anh Triệu Đức Đ trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Triệu Bảo N, sinh ngày 10 tháng 4 năm 2015 và cháu Triệu Bảo A, sinh ngày 03 tháng 6 năm 2019. Chị Trần Thị V cấp dưỡng nuôi con số tiền là 1.500.000 đồng/01 cháu/01 tháng kể từ tháng 5 năm 2026 cho đến khi cháu N, cháu A đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án đối với số tiền cấp dưỡng nuôi con, nếu bên phải thi hành án chưa thi hành thì hàng tháng còn phải chịu một khoản tiền lãi theo quy định tại Điều 357, khoản 2 điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2.2 Về án phí: Chị Trần Thị V phải chịu 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn và 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con. Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp tại biên lai thu ký hiệu: BLTU/26E, số 0000719 ngày 05/3/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh L (chị V đã nộp đủ tiền án phí). Anh Triệu Đức Đ không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành án theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lào Cai;
- VKSND khu vực 1, tỉnh Lào Cai;
- Phòng THADS khu vực 1, tỉnh Lào Cai;
- UBND xã Quy Mông, tỉnh Lào Cai (GCNKH số 18/2014, ngày 02/5/2014 của UBND xã Y Can, huyện Trấn Yên, tỉnh Yên Bái cũ);
- Đương sự (02);
- Lưu HS, TA, KT.

THẨM PHÁN

Lê Thị Hoàng Hải